

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-PT

Ngày 13/4/2023

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế và*

Tc ranh giới BĐS liền kề”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Các thẩm phán: Bà **Võ Bích Hải**,

Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thanh Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
 Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 491/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 94/2022/DSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận O có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07A/202/QĐPT – DS ngày 11/01/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **TRương Văn B**, sinh năm 1966. (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

* Bi đơn: - Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1947. (*có mặt*)

- Ông **Trương Thanh L**, sinh năm 1969. (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- Ông **Trương Văn Út**, sinh năm 1973. (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trương Văn Năm**, sinh năm 1954. (*vắng mặt*)

- Bà **Trương Thị T1**, sinh năm 1963. (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Trương Quốc T2**, sinh năm 1993. *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

* Người làm chứng:

- Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1978. *(xin vắng mặt)*

- Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1978. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L, ông Trương Văn Út.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông TRương Văn B trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Trương Văn H (đã chết năm 2010) và cụ Thái Thị N (đã chết năm 2003) có tất cả 07 người con gồm: Trương Văn T, Trương Văn B (đã chết năm 1975, không có vợ con), Trương Văn Năm, Trương Thị T1, Trương Thanh L, Trương Văn U và ông là TRương Văn B. Cha mẹ ông có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 27.515m² thuộc thửa đất số 27+30, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359, cấp ngày 03/11/1993 do cụ H đứng tên. Khi sinh thời, cha mẹ ông đã chia đất cho các con như sau: Ông được chia 02 công đất ruộng và 01 công đất vườn, đã tách giấy đất; Ông T được chia 10 công tầm lớn, đã tách giấy đất; Ông L được chia 01 công tầm 3m đất vườn; Bà T1 được chia 02 công đất ruộng; Ông U được chia 02 công đất ruộng và 01 công đất vườn. Phần đất ông L, bà T1 và ông U được cha mẹ chia cho để sử dụng nhưng chưa tách giấy đất mà vẫn còn nằm trong giấy đất do cụ H đứng tên. Phần còn lại gồm 04 công đất ruộng, 06 công đất vườn và căn nhà ngói để ở và làm nhà thờ.

Khi nhà nước làm Kênh KH8 có cắt qua đất của cụ H khoảng 6.000m² và cụ H đã trực tiếp nhận tiền bồi hoàn đất, cho đến nay vẫn chưa điều chỉnh giấy đất để tách phần đất này ra.

Sau khi chia đất cho các con và trừ đi phần đất làm Kênh KH8, cụ H còn lại diện tích đất khoảng 13.000m². Năm 2003, cụ N chết, ông canh tác khoảng 4 công đất để nuôi cụ H. Đến năm 2010 thì cụ H chết không có để lại di chúc. Ông T là anh cả trong gia đình đã tự ý đem phần đất của cụ H để lại chia cho ông L và ông U sử dụng.

Nay ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của cụ H. Ông không có yêu cầu đối với phần đất các anh em của ông đã

được chia cho khi cha mẹ còn sống. Cụ thể ông yêu cầu chia cho ông diện tích khoảng 2.167m^2 (đo đạc thực tế là $2.537,6\text{m}^2$) thuộc thửa 27+30, tờ bản đồ số 04. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. Ông yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông B vì ông là người thờ cúng ông B và từ trước đến nay ông B chưa được cha mẹ chia cho đất.

Ngoài ra, khi cụ N còn sống có mượn của ông 05 chỉ vàng 24K, mượn bà Tư Hiện (không rõ họ tên, địa chỉ ở khu vực Trường Hòa, phường T) 05 chỉ vàng 24K, mượn của ông T 01 chỉ vàng 24K và số tiền 1.000.000 đồng. Ông đã trả thay cụ N số nợ này. Đến khi làm đám xả tang cho cụ N thì ông có bỏ ra 02 chỉ vàng 24K. Đồng thời, trong thời gian sử dụng đất, ông có ban phần đất vườn ra để làm ruộng, chi phí 10 chỉ vàng 24K. Nay ông yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền và vàng này cho ông.

Ngoài ra, tại Đơn khởi kiện ngày 16/6/2009, ông khởi kiện ông T để tranh chấp phần ranh đất đã lấn chiếm, nội dung cụ thể như sau:

Vào năm 1988, khi ông cưới vợ, cha mẹ có cho ông 2,5 công ruộng và 01 cái bờ đôi khoảng 01 công 1 góc 4 để cất nhà ở. Ông không ở trên bờ mà ban bờ ra để làm ruộng. Đến năm 1993, ông đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 28, cùng thời điểm với ông H đăng ký quyền sử dụng đất các thửa 27+30. Trong phần đất của ông có 01 cái bờ để cắm trâu của ông H, đến khi ông H bán trâu đã cho ông luôn phần bờ cắm trâu này. Năm 2010 ông H chết, năm 2012 ông T mâu thuẫn về đất đai với ông, kêu ông chia phần đất của ông H để lại nhưng ông không đồng ý nên xảy ra xô xát giữa ông L và con của ông, khi đó, ông có nhờ chính quyền hòa giải và cắm trụ ranh giữa đất của ông và đất của ông H, cái bờ ngang 3m, chạy dài khoảng 40 tầm 120m nên chia hai mỗi bên là 1,5m. Lúc này có mặt ông N chứng kiến. Đến tháng 8/2018 (Âm lịch) Tòa án thành lập hội đồng đo đạc diện tích đất của ông H để chia thừa kế cũng đều lấy ranh này làm chuẩn để chia. Nay ông T tự nhổ trụ đã dòi qua bên đất của ông 3m, chạy dài khoảng 120m, diện tích khoảng 360m^2 thuộc thửa đất số 28. Ông L và ông U đã ban phần diện tích đất này ra, hiện ông U đang sử dụng phần đất này gây thiệt hại cho ông, hư hao 1 vụ lúa thu hoạch từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng giảm xuống còn khoảng 6.800.000 đồng của 3 công đất tầm 3m. Do đó, ông yêu cầu ông T trả lại phần ranh đất lấn chiếm và phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 7.000.000 đồng.

*** Bị đơn ông Trương Văn T trình bày:**

Ông là anh ruột của ông TRương Văn B. Ông thống nhất về quan hệ nhân thân, ông thừa nhận cha mẹ ông có tạo lập được một số đất đai và đã chia

đất cho các con như ông B trình bày. Khi nhà nước làm Kênh KH8 có cắt qua đất của cụ H diện tích bao nhiêu thì ông không biết, cụ H là người trực tiếp nhận tiền bồi hoàn đất. Hiện nay ông đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359, cấp ngày 03/11/1993 do ông Trương Văn H đứng tên.

Sau khi chia đất cho các con và trừ đi phần đất làm Kênh KH8, cụ H còn lại khoảng 5,5 công tầm lớn đất ruộng. Năm 2010, cụ H chết không có để lại di chúc, ông là anh cả trong gia đình nên đã chia phần đất đó cho ông L sử dụng 02 công tầm lớn, ông U sử dụng 02 công tầm lớn và ông sử dụng 1,5 công tầm lớn. Sau này ông đã giao lại 1,5 công tầm lớn cho ông U sử dụng để thờ cúng ông H, tổng cộng ông U đang sử dụng 3,5 công tầm lớn.

Nay ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông B. Bởi vì các anh em đều đã được cha mẹ chia đất, phần đất còn lại này ông yêu cầu chia giao cho ông L và ông U tiếp tục sử dụng để thờ cúng ông bà. Ông không yêu cầu gì đối với phần đất đã chia khi cha mẹ còn sống và ông cũng không có yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ H, cụ N.

Đối với số tiền mà ông B yêu cầu tiền nợ vàng, tiền đã giải quyết xong ông không đồng ý trả. Tiền chi phí cải tạo đất (ban thờ) ông không đồng ý chịu trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông B.

Đối với yêu cầu của ông B về việc tranh chấp ranh đất, tại bản tự khai ngày 07/7/2020, ông T trình bày: Ông chỉ làm theo bản vẽ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, số thửa 27 của ông H giáp ranh đất của ông B đã được thống nhất và được ông U sử dụng từ khi ông H còn sống đến nay. Ông B kiện ông lấn chiếm ranh đất là không đúng, ông chỉ cắm ranh và lấy lại phần đất ông B đã lấn chiếm đất ông H. Nay ông không đồng ý yêu cầu của ông B về việc trả lại phần đất lấn chiếm tại vị trí A diện tích 310,1m² và cũng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông B.

** Bị đơn ông Trương Văn U trình bày:*

Ông thống nhất ý kiến với trình bày của ông T về quan hệ nhân thân, về phần đất của cụ H, cụ N để lại và việc cụ H, cụ N đã phân chia đất cho các con lúc còn sống. Phần đất còn lại để làm hương hỏa thờ cúng.

Nay ông không đồng ý chia thừa kế phần đất tại thửa 27+30. Hiện ông là người thờ cúng cụ H nên ông được hưởng 3,5 công theo di ngôn của cha mẹ, ông L thờ cúng cụ N nên được hưởng 02 công. Các anh em đều đã được cha mẹ chia đất, ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 3,5 công tầm lớn này để thờ cúng ông bà. Ông không yêu cầu gì đối với phần đất đã chia khi cha mẹ còn sống.

Đối với các khoản tiền mà ông B yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông B thì ông không đồng ý trả vì ông không biết gì về các khoản tiền này.

Đối với yêu cầu của ông B về việc tranh chấp ranh đất, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 25/9/2020, ông U trình bày: Ông và ông L có nhổ trụ ranh dờ sang vị trí khác. Khi Tòa án thẩm định ngày 20/9/2018, các anh em cùng xác định ranh đất để giải quyết chia thừa kế đất, do nghĩ anh em với nhau nên cùng thống nhất ranh để thương lượng, còn thực tế vị trí ranh không đúng với ranh đất ban đầu. Sau đó, các anh em không thống nhất thương lượng nên ông và ông L cùng nhau dờ ranh theo đúng thực tế ranh đất của các bên và thẳng ranh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Phần ranh dờ đầu ngoài khoảng 3m, đầu trong khoảng 1m, dài khoảng 120m. Hiện ông quản lý sử dụng đất này, ông T không sử dụng đất. Nay ông không đồng ý trả ranh đất theo yêu cầu của ông B.

** Bị đơn ông Trương Thanh L trình bày:*

Ông thống nhất ý kiến với trình bày của ông T về quan hệ nhân thân, về phần đất của cụ H, cụ N để lại và việc cụ H, cụ N đã phân chia đất cho các con lúc còn sống. Hiện ông thờ cúng cụ N nên được hưởng 02 công.

Nay ông yêu cầu Tòa án bác đơn xin chia thừa kế đất và đòi phần tiền mà ông B cho rằng đã xuất ra cho mượn để lo đám tang cho mẹ và tu bổ đất là không có căn cứ và chứng cứ gì cả. Đồng thời, ông yêu cầu được sử dụng ổn định phần đất này theo lời di chúc miệng của cha mẹ.

Đối với yêu cầu của ông B về việc tranh chấp ranh đất, ông thống nhất ý kiến với trình bày của ông U.

** Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 13/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T1 trình bày:*

Bà thống nhất ý kiến với trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, về phần đất của cụ H, cụ N để lại và việc cụ H, cụ N đã phân chia đất cho các con lúc còn sống. Trước đây, bà được cha mẹ chia cho 02 công đất ruộng, sau đó bà bán lại cho ông U 01 công đất ruộng.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L và ông Trương Văn Uchia thừa kế quyền sử dụng đất của cha cụ Trương Văn H (chết) và mẹ là cụ Thái Thị N (chết) để lại chia cho bà được hưởng thừa kế 2.167m² là 1/6 của tổng diện tích 13.000m² tại thửa 27+30, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/11/1993.

Ngày 20/6/2019, bà có đơn yêu cầu độc lập bổ sung, bà yêu cầu tách giấy đất đối với phần đất ruộng bà đã được cha mẹ chia cho tại vị trí B diện tích 2.105,6m² (trong đó có 886,7m² đất bờ kinh). Đồng thời, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất ruộng còn lại của ông H, cụ thể bà yêu cầu được chia 1/6 phần đất ruộng tại vị trí E diện tích là 1.084,2m² thuộc thửa 27+30 theo Bản trích đo địa chính số 27/TTTKTTNMT ngày 17/5/2019.

Đối với các khoản tiền mà ông B yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông B thì bà không có ý kiến vì bà không biết gì về các khoản tiền này.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Năm trình bày:*

Ông có mối quan hệ là anh em ruột với ông TRương Văn B, ông Trương Văn T và ông Trương Văn Út. Ông thống nhất ý kiến với phần trình bày của ông T.

Năm 2004, ông B có thuê người ban 02 công đất vườn ra để làm ruộng nhưng cụ thể bao nhiêu tiền thì ông không biết. Đối với các khoản tiền mà ông B yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông B thì ông không có ý kiến vì ông không biết gì về các khoản tiền này. Nay ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông B. Bởi vì các anh em đều đã được cha mẹ chia đất, phần đất còn lại này ông yêu cầu giao cho ông U tiếp tục sử dụng để thờ cúng ông bà. Ông không yêu cầu gì đối với phần đất đã chia khi cha mẹ còn sống. Trường hợp phải chia thừa kế theo pháp luật thì ông tự nguyện nhường phần của mình cho ông U.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc T2 trình bày:*

Nguyên ông nội của ông là cụ Trương Văn H (chết năm 2010) và bà nội là cụ Thái Thị N (chết năm 2003). Ông là con của ông Trương Thanh L. Năm 2018, ông TRương Văn B có kiện ông L chia phần đất 5,5 công đất ruộng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359, thửa đất số 27+30 do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chia cho các anh em của ông L xong nhưng chưa tách bộ sang tên, phần còn lại ông L sử dụng là 03 công tầm 3m (trong đó 01 công vườn và 02 công ruộng), hiện ông là người trực tiếp canh tác đất.

Nay ông yêu cầu được ổn định sử dụng diện tích đất 03 công tầm 3m trong phần đất của cha là Trương Thanh L được thừa hưởng từ đất của ông bà.

** Người làm chứng ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông chỉ quen biết ông TRương Văn B và ông Trương Văn U, ông không biết ông Trương Văn T và ông Trương Thanh L. Ông không có quan hệ họ hàng và cũng không có mâu thuẫn gì với ông B và ông U.

Vào khoảng năm 2003-2004, ông B có thuê ông cùng với ông Nguyễn Văn M ban bờ để làm ruộng. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ chính xác diện tích đất ông B thuê ông và ông M ban bờ là bao nhiêu, ông chỉ nhớ chiều ngang khoảng hơn 30 tầm và chiều dài khoảng hơn 50 tầm, giá thuê là 180.000 đồng/tầm. Tuy nhiên, ông và ông M chỉ mới làm được một phần đất thì nghỉ, ông B trả tiền thuê cho ông và ông M mỗi người khoảng hơn 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Sau khi ông và ông M nghỉ làm thì ông B có thuê người khác để tiếp tục ban bờ hay không thì ông không biết. Khi được ông B thuê ban bờ, ông chỉ biết đất đó của cha ông B cho ông B sử dụng, còn nội dung vụ việc tranh chấp giữa các anh em ông B như thế nào thì ông không biết.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông chỉ quen biết ông TRương Văn B và ông Trương Văn T, ông không biết ông Trương Văn U và ông Trương Thanh L. Ông không có quan hệ họ hàng và cũng không có mâu thuẫn gì với ông B và ông T. Vào khoảng năm 2003-2004, ông B có thuê ông cùng với ông Nguyễn Thanh H ban bờ để làm ruộng. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ chính xác diện tích đất ông B thuê ông và ông Hồng ban bờ là bao nhiêu, giá thuê là 180.000 đồng/tầm. Tuy nhiên, ông và ông Hồng chỉ mới làm được một phần đất thì nghỉ, ông B trả tiền thuê cho ông và ông Hồng mỗi người khoảng hơn 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Sau khi ông và ông Hồng nghỉ làm thì ông B có thuê người khác để tiếp tục ban bờ hay không thì ông không biết. Khi được ông B thuê ban bờ, ông chỉ biết đất đó của cha ông B cho ông B sử dụng, còn nội dung vụ việc tranh chấp giữa các anh em ông B như thế nào thì ông không biết. Do bận đi làm ở xa nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

Do không H giải và thương lượng được nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại bản án số 94/2022/DSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận O đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B đối với bị đơn ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L và ông Trương Văn Út.

Ông TRương Văn B được chia thừa kế diện tích đất 2.537,6m² (loại đất CLN+LUC - trong đó có 980,7m² đất CLN) tại vị trí F của Bản Trích đo địa

chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B đối với ông Trương Văn T về việc tranh chấp ranh đất và bồi thường thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

3/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B về việc buộc những người nhận thừa kế trả 06 (sáu) chỉ vàng 24K, tiền thuốc trị bệnh cho bà N số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), tiền lãi ngân hàng 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*), chi phí ban bờ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tổng cộng là 60.300.000 đồng (*Sáu mươi triệu, ba trăm nghìn đồng*).

4/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T1.

Bà Trương Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất 2.105,6m² (loại đất LUC - trong đó có 886,7m² đất bờ kinh) tại vị trí B Bản trích đo địa chính số 27/TTTCKTTNMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

Bà Trương Thị T1 được chia thừa kế diện tích đất 1.084,2m² (loại đất LUC) tại vị trí E của Bản Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

5/ Tạm giao cho ông Trương Thanh L và ông Trương Văn U quản lý sử dụng toàn bộ phần đất còn lại sau khi đã tách chuyển quyền sử dụng đất cho ông B và bà T1 đối với các phần đất nêu trên.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359 do Ủy ban nhân dân huyện O cấp ngày 03/11/1993 do ông Trương Văn H đứng tên để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.

(*Kèm theo Bản trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ*).

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận O tuyên xử. Ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L, ông Trương Văn U đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu. Ông đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên và không có kháng cáo.

Bà Trương Thị T1 vắng mặt. Bà T1 không có kháng cáo.

Phía ông Trương Văn T, ông Trương Văn U không đồng ý với yêu cầu của ông B và bà T1 vì đất đã được phân chia lúc cha mẹ còn sống. Ông Trương Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Các bị đơn yêu cầu bác đơn kiện của ông B và yêu cầu độc lập của bà T1, không đồng ý phân chia tài sản thừa kế do cha mẹ đã phân chia trước khi chết.

Qua xem xét thì bản án sơ thẩm tuyên bác một phần yêu cầu ông B, ông B không kháng cáo phần bị bác này. Bản án sơ thẩm chia cho ông B và bà T1 một phần ít hơn phần phần họ được hưởng họ không kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực. Các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng dân sự*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia di sản thừa kế và tranh chấp ranh giới nên xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp chia tài sản thừa kế và tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề*” theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận O thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét kháng cáo của các bị đơn: Các bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người liên quan có yêu cầu độc lập và kháng cáo của các bị đơn nhận thấy: Cụ Trương Văn H (đã chết năm

2010) và cụ Thái Thị N (đã chết năm 2003) có tất cả 07 người con gồm: Ông Trương Văn T, ông Trương Văn Buôn (đã chết năm 1975, không có vợ con), ông Trương Văn Năm, bà Trương Thị T1, ông Trương Văn B, ông Trương Thanh L và ông Trương Văn U. Hai cụ không có con nuôi.

Cụ H và cụ N có tạo lập được diện tích đất 7.950m^2 (LNK) và 300m^2 (T) thuộc thửa đất số 30; diện tích đất 19.265m^2 (2L) thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 04, tổng diện tích đất 27.515m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359, cấp ngày 03/11/1993 do cụ H đứng tên. Lúc còn sống, cụ H và cụ N đã phân chia đất cho các con một phần thửa đất 27+30 nhưng chưa tách giấy đất, cụ thể: Chia cho ông L 01 công tầm 3m đất vườn, chia cho bà T1 02 công đất ruộng và chia cho ông U 02 công đất ruộng + 01 công đất vườn; phần còn lại thì ông H, bà N quản lý sử dụng. Riêng ông B và ông T cũng được chia cho phần đất khác và đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ H, cụ N chết không để lại di chúc đối với phần đất còn lại của thửa 27+30. Hiện nay, ông L, bà T1 quản lý sử dụng phần đất đã được chia, toàn bộ phần đất còn lại thì ông U đang quản lý sử dụng.

Ông B kiện yêu cầu chia 1/6 di sản Tòa án nhân dân quận O chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của cụ H, cụ N chưa được phân chia (trừ đi phần đất đã chia cho ông L, bà T1 và ông U), ông B yêu cầu được hưởng 1/6 di sản thừa kế. Đồng thời, ông B yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông số nợ mà ông đã trả thay bà N là 06 chỉ vàng 24K, tiền thuốc trị bệnh cho bà N số tiền 1.000.000 đồng, tiền lãi ngân hàng khoảng 17.000.000 đồng và tiền ban 02 công đất vườn là 12.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B có yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông B do ông B là người thờ cúng ông B.

Bà T1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu được tách quyền sử dụng đất đối với phần đất ruộng đã được cha mẹ chia và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà được nhận 1/6 phần đất ruộng còn lại (sau khi trừ đi phần đất đã chia cho bà, ông L và ông U).

Ông T, ông L, ông N và ông U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông L và ông U yêu cầu được ổn định sử dụng đất cha mẹ để lại để thờ cúng ông bà. Ông N đồng ý nhường phần thừa kế cho ông U. Ông T, ông L, ông N và ông U không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Xét yêu cầu của của ông B và bà T1 nhận thấy: Ông B yêu cầu được chia thừa kế diện tích đất $2.537,6\text{m}^2$ (loại đất CLN+LUC - trong đó có $980,7\text{m}^2$ đất

CLN) tại vị trí F Bản Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019;

- Bà T1 yêu cầu được tách quyền sử dụng đất diện tích 2.105,6m² (loại đất LUC - trong đó có 886,7m² đất bờ kinh) tại vị trí B; yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 1.084,2m² (loại đất LUC) tại vị trí E Bản trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019;

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận thừa đất số 27+30 là tài sản của cụ H, cụ N tạo lập được, ngoài phần đất đã chia cho ông L, bà T1 và ông U tại các vị trí A+B+C với tổng diện tích là 9.842,4m² thì phần đất còn lại có diện tích là 15.822,6m² chưa được phân chia nên xác định phần đất này là di sản thừa kế của cụ H, cụ N. Hiện ông U đang quản lý sử dụng diện tích đất 15.822,6m². Do cụ H, cụ N chết không để lại di chúc nên phần di sản trên thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế như bản án sơ thẩm xác định là có 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H và cụ N nên được chia thành 06 phần bằng nhau. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có ông B và bà T1 có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; còn lại ông T, ông N, ông L và ông U không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của ông B và bà T1.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông B yêu cầu được hưởng 1/6 di sản ông H, bà N để lại (sau khi trừ đi phần đất đã chia cho các con) thuộc các thửa đất 27+30; bà T1 yêu cầu được hưởng 1/6 phần đất ruộng thuộc thửa đất số 27. Cụ thể, ông B yêu cầu được chia thừa kế diện tích đất 2.537,6m² (loại đất CLN+LUC - trong đó có 980,7m² đất CLN) tại vị trí F; bà T1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 1.084,2m² (loại đất LUC) tại vị trí E của Bản Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy, di sản thừa kế là diện tích đất 15.822,6m² chia đều 06 phần thì mỗi phần là 2.637,1m². Nhằm thuận tiện cho việc canh tác nên ông B yêu cầu được chia đất tại vị trí F có diện tích 2.537,6m² giáp ranh liền kề thửa đất 28 của ông B. Như vậy, diện tích đất ông B yêu cầu chia ít hơn diện tích đất của 01 phần thừa kế. Do yêu cầu này của ông B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà T1 về việc được chia thừa kế 1/6 phần đất ruộng. Theo đó, tổng diện tích đất thửa 27+30 là 25.665m², trong đó có 300m² đất thổ cư và 7.950m² đất CLN, còn lại diện tích đất 2L là 17.415m². Sau khi trừ đi tổng diện tích đất 2L đã chia cho ông L, bà T1 và ông U là 9.842,4m² (vị trí A+B+C)

thì diện tích đất 2L chưa được chia là 7.572,6m² sẽ được chia thành 6 phần bằng nhau, mỗi phần có diện tích là 1.262,1m². Bà T1 yêu cầu chia thừa kế phần đất ruộng có diện tích 1.084,2m² tại vị trí E ít hơn so với 01 kỉ phần như đã phân tích trên. Ngoài ra, bà T1 có yêu cầu được tách quyền sử dụng đất diện tích 2.105,6m² (loại đất LUC - trong đó có 886,7m² đất bờ kinh) đã được cha mẹ cho khi còn sống, các đương sự khác thống nhất ý kiến. Do đó, yêu cầu độc lập của bà T1 là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T1.

Do ông B và bà T1 được Tòa án cấp sơ thẩm chia một kỉ phần ít hơn phần họ được hưởng theo quy định pháp luật nhưng hai người này không kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực nên giữ nguyên.

Đối với phần đất có diện tích 1.084,2m² của bà T1 được chia. Qua xem xét tại vị trí E thì bà T1 không có đường đi vào phần đất. Tại phiên tòa bà vắng mặt. Ông B cho rằng bà T1 và ông sẽ tự thỏa thuận về lối đi, không tranh chấp về phần này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của ông B về việc buộc người được chia thừa kế thực hiện nghĩa vụ: Ông B yêu cầu những người được chia thừa kế phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông số tiền, vàng mà ông đã trả nợ thay bà N là 06 chỉ vàng 24K, tiền thuốc trị bệnh cho bà N là 1.000.000 đồng, tiền lãi ngân hàng là 17.000.000 đồng và tiền ban 02 công đất vườn là 12.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này. Ông không kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực nên giữ nguyên, cấp phúc thẩm không xem xét lại phần này.

Xét yêu cầu của bà T1 về việc tách quyền sử dụng phần đất đã được chia:

Bà T1 yêu cầu tách quyền sử dụng đất diện tích 2.105,6m² (loại đất LUC - trong đó có 886,7m² đất bờ kinh) tại vị trí B Bản trích đo địa chính số 27/TTTKTTNMT ngày 17/5/2019 do phần đất này đã được cha mẹ chia cho lúc còn sống. Ông B, ông T, ông L và ông U đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và Trích đo địa chính:

Lần 1 (chia thừa kế): Ông B đã tạm nộp số tiền 11.280.000 đồng (*Mười một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*), đã chi hết. Ông B và Bà T1 được chia thừa kế nên mỗi người phải chịu ½ chi phí này. Bà T1 phải trả lại cho ông B số tiền 5.640.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Lần 2 (tranh chấp ranh đất): Ông B đã tạm nộp số tiền 12.280.000 đồng (*Mười hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*), đã chi hết. Ông B phải chịu toàn bộ chi phí này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông TRương Văn B phải nộp tổng số tiền án phí là 18.858.000 đồng (*Mười tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Trong đó: 5% của tổng giá trị phần đất được chia thừa kế $((980,7\text{m}^2 \text{ đất CLN} \times 131.000 \text{ đồng/m}^2) + (1.556,9\text{m}^2 \text{ đất LUC} \times 121.000 \text{ đồng/m}^2)) = 316.856.600 \text{ đồng} \times 5\% = 15.843.000 \text{ đồng}$.

5% của tổng số tiền không được chấp nhận gồm: 06 chỉ vàng 24K (tương đương 5.050.000 đồng/chỉ), tiền thuốc trị bệnh cho bà N số tiền 1.000.000 đồng, tiền lãi ngân hàng 17.000.000 đồng, tiền ban 02 công đất vườn 12.000.000 đồng, tổng cộng là 60.300.000 đồng. Án phí phải nộp là 3.015.000 đồng.

- Bà Trương Thị T1 phải chịu án phí không có giá ngạch (tách quyền sử dụng đất) số tiền 300.000 đồng và 5% của tổng giá trị phần đất được chia thừa kế $((1.084,2\text{m}^2 \text{ đất LUC} \times 121.000 \text{ đồng/m}^2) \times 5\%) = 6.559.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng bà T1 phải nộp án phí số tiền 6.859.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T được miễn do là người cao tuổi. Ông L, ông U phải chịu theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 609, 612, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 188 và 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L và ông Trương Văn Út. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B đối với bị đơn ông Trương Văn T, ông Trương Thanh L và ông Trương Văn Út.

Ông TRương Văn B được chia thừa kế diện tích đất 2.537,6m² (loại đất CLN+LUC - trong đó có 980,7m² đất CLN) tại vị trí F của Bản Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B đối với ông Trương Văn T về việc tranh chấp ranh đất và bồi thường thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

3/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRương Văn B về việc buộc những người nhận thừa kế trả 06 (sáu) chỉ vàng 24K, tiền thuốc trị bệnh cho bà N số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), tiền lãi ngân hàng 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*), chi phí ban bờ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tổng cộng là 60.300.000 đồng (*Sáu mươi triệu, ba trăm nghìn đồng*).

4/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T1.

Bà Trương Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất 2.105,6m² (loại đất LUC - trong đó có 886,7m² đất bờ kinh) tại vị trí B Bản trích đo địa chính số 27/TTTKTNTMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

Bà Trương Thị T1 được chia thừa kế diện tích đất 1.084,2m² (loại đất LUC) tại vị trí E của Bản Trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019. Đất tọa lạc tại khu vực Trường Hòa, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

5/ Tạm giao cho ông Trương Thanh L và ông Trương Văn U quản lý sử dụng toàn bộ phần đất còn lại sau khi đã tách chuyển quyền sử dụng đất cho ông B và bà T1 đối với các phần đất nêu trên.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000359 do Ủy ban nhân dân huyện O cấp ngày 03/11/1993 do ông Trương Văn H đứng tên để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 27/TTKTTNMT ngày 17/5/2019 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và Trích đo địa chính:

Bà Trương Thị T1 phải trả lại cho ông TRương Văn B số tiền 5.640.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Ông TRương Văn B phải chịu số tiền 5.640.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)* và số tiền 12.280.000 đồng *(Mười hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)*. Đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông TRương Văn B phải nộp số tiền là 18.858.000 đồng *(Mười tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng)*. Chuyển số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2011/001713 ngày 24/01/2018; số tiền 1.712.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2011/001996 ngày 22/6/2018; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/010877 ngày 24/02/2020 thành án phí. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, ông B còn phải nộp thêm số tiền là 16.546.000 đồng *(Mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*.

Bà Trương Thị T1 phải nộp số tiền 6.859.000 đồng *(Sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng)*.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn T được miễn do là người cao tuổi. Ông Trương Thanh L chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003509 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận O thành tiền án phí. Ông L đã nộp xong.

Ông Trương Văn Uphải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003508 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận O thành tiền án phí. Ông U đã nộp xong.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q. O ;
- THA.DS. Q. O;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Hải